

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 497/2021/HS-ST
Ngày: 29/11/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng.
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 466/2021/HSST ngày 10/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 611/2021/QĐXXST-HS ngày 19/11/2021 đối các bị cáo:

Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1978; Giới tính: Nam; nơi sinh: tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 7/20D đường X, phường y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Nhà trọ số 653 đường X, Phường y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông không rõ và bà Nguyễn Thị A; Vợ Phạm Thị Thanh T1, có 02 con, con lớn sinh năm 2001 và con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2021 đến ngày 22/9/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Phan Thị T2, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: 282/2/1A đường N, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 24/6/2021, Nguyễn Ngọc T điều khiển xe mô tô loại Air Blade biển số 59S3-26908 từ nhà trọ số 653, đường X, Phường Y, quận B, thành phố Hồ Chí Minh đến phường An Khánh, thành phố Thủ Đức để tìm bạn nhưng tìm không được nên T điều khiển xe quay về. Khi T điều khiển xe đi qua trước số nhà 78, Đường số 7, khu phố 4, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức thì thấy xe Wave màu đỏ, phía trước gác бага có một túi ni lon màu đỏ của chị Phan Thị T2 nên nảy sinh ý định lấy trộm. T cho xe quay lại và đứng cách xa khoảng 5m, quan sát khoảng 5 phút thấy không có ai trông coi nên T điều khiển xe lại gần dùng tay phải lấy bịch ni lon màu đỏ và chuyển qua tay trái rồi tăng ga bỏ chạy về phòng trọ. Khi về đến phòng trọ T lấy bọc nilon vừa trộm được ra thấy có tiền và đếm được 10.600.000 đồng gồm các loại tờ tiền mệnh giá khác nhau rồi bỏ tất cả tiền vừa lấy trộm được vào cốp xe mô tô loại Air Blade biển số 59S3-26908, còn bịch ni lon màu đỏ T vứt vào sọt rác. Sau khi bị mất tài sản chị T2 đã xem lại camera rồi đến Công an phường An Khánh trình báo vụ việc. Nhận được tin báo Công an phường An Khánh đã phối hợp Công an quận Bình Thạnh đưa Nguyễn Ngọc T cùng vật chứng vụ án về làm.

Ngày 25/6/2021, Công an thành phố Thủ Đức ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Ngọc T.

Tại Cơ quan Điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Nguyễn Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

+ Vật chứng vụ án:

- Số tiền 10.600.000 đồng. Ngày 8/7/2021, Công an thành phố Thủ Đức ra quyết định trả cho chị Phan Thị T2.

- 01 xe mô tô loại Air Blade biển số 59S3-26908 do Nguyễn Ngọc T đứng tên chủ sở hữu.

- 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 59S3-26908 do Nguyễn Ngọc T đứng tên.

- 01 USB ghi nhận nội dung T thực hiện hành vi trộm cắp, kèm theo hồ sơ vụ án.

* Trách nhiệm dân sự:

- Chị Phan Thị T2 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì khác.

[2] Bản Cáo trạng số 373/CT-VKSTĐ ngày 10/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài

sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo T với mức án tù đến 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự đã xử lý trong quá trình điều tra và trách nhiệm dân sự đã xử lý trong quá trình điều tra.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định truy tố của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Những hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được đủ cơ sở xác định:

Vào 11 giờ 00 ngày 24/6/2021, tại nhà 78 đường số 7, khu phố 4, phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Nguyễn Ngọc T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 10.600.000 đồng (Mười triệu sáu trăm ngàn đồng) của chị Phan Thị T2, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội.

Hành vi phạm tội của bị cáo T đã cấu thành tội phạm “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm tương xứng với tính chất và hành vi, hậu quả nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tính tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản thiệt hại đã trả lại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều i, s, Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ

sung năm 2017. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình được tại ngoại không vi phạm pháp luật nên bị cáo đủ điều kiện áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự để được hưởng án treo là có cơ sở.

[4] Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

+ Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 10.600.000 đồng. Ngày 8/7/2021, Công an thành phố Thủ Đức ra quyết định trả cho chị Phan Thị T2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- 01 xe mô tô loại Air Blade biển số 59S3-26908 do Nguyễn Ngọc T đứng tên chủ sở hữu là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công là đúng pháp luật. Riêng 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 59S3-26908 do Nguyễn Ngọc T đứng và 01 USB ghi nhận nội dung T thực hiện hành vi trộm cắp, kèm theo hồ sơ vụ án được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

+ Trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Phan Thị T2 đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T cho Ủy ban nhân dân Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Ngọc T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Ngọc T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc Nguyễn Ngọc T phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp Nguyễn Ngọc T thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc Nguyễn Ngọc T phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu sung công: 01 xe mô tô loại Air Blade biển số 59S3-26908 màu đen. (Theo phiếu nhập kho số NK22/006C, ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức).

Đối với 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 59S3-26908 do Nguyễn Ngọc T đứng tên và với 01 USB ghi nhận nội dung T thực hiện hành vi trộm cắp, kèm theo hồ sơ vụ án được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS thành phố Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Quốc Lưu